

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05-4-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hợp.

Bà Nguyễn Thị Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Trọng Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Ngọc B, sinh năm 1979, nơi cư trú: Tổ C, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1972, nơi ĐKKHKT: Tổ C, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; hiện đang cai nghiện ma túy tại: Cơ sở cai nghiện ma túy Gia Minh, huyện Thủy nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 28-11-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đinh Thị Ngọc B trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quang H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2000, tại Ủy ban nhân dân phường Vạn Sơn, thị xã Đồ Sơn (Nay là quận Đồ Sơn), thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống cùng

gia đình anh H tại tổ C, phường V, quận Đ. Trước đây, anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Khoảng từ năm 2016, giữa chị và anh H phát sinh mâu thuẫn vì chị phát hiện anh H bị nghiện ma túy. Anh H không có việc làm ổn định nên thường xuyên xin tiền của chị và người thân trong gia đình để mua ma túy về sử dụng. Cũng vì nghiện ngập nên anh H hay gây sự, chửi bới vợ, con, bố, mẹ, chị và em trong gia đình. Đã nhiều lần anh H chửi bới, xúc phạm và đánh đập chị. Anh H đã phải đi cai nghiện nhiều lần. Khoảng hai năm nay, do không thể chịu đựng được bạo lực từ anh H nên chị chuyển về nhà bố, mẹ chị sinh sống. Từ đó đến nay, chị và anh H không còn liên lạc hỏi thăm nhau nữa. Tháng 8 năm 2017, anh H đã bị Tòa án cho đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy Gia Minh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Hiện nay, anh H vẫn đang cai nghiện tại đó. Chị thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nữa, anh H đã nghiện ma túy từ lâu khó có thể từ bỏ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có 02 con là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 02-12-1996 và Nguyễn Quang Đức A, sinh ngày 14-01-2005. Hiện nay, cháu A đang ở cùng với chị. Do anh H đang đi cai nghiện nên chị nhận nuôi cháu A, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Thu H đã trưởng thành và lấy chồng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh H không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 06-02-2018, bị đơn là anh Nguyễn Quang H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị B từ năm 2000, đến nay đã có hai con chung là Thu H, sinh năm 1996 và A, sinh năm 2005. Do anh nghiện ma túy đã cai nghiện nhiều lần nhưng không bỏ được nên giữa anh và chị B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh thường xin tiền của chị B để mua ma túy, nếu chị B không cho thì anh chửi bới, xúc phạm, thậm chí là đánh đập chị B. Ngoài ra, anh còn hay chửi bới, xúc phạm đến các con và người thân trong gia đình. Khoảng từ năm 2015, do không chịu đựng được nên chị B cùng cháu A đã bỏ về nhà mẹ đẻ của chị B để sinh sống. Từ đó, anh và chị B không còn liên lạc, hỏi thăm nhau nữa. Tháng 8-2017, anh bị Tòa án đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy Gia Minh, huyện Thủy Nguyên cho đến nay. Trong khoảng thời gian này, chị B không sang thăm anh. Đến nay, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn; bản thân anh là người nghiện ma túy từ rất lâu nhưng không bỏ được; từ khi kết hôn đến nay anh đã đối xử không tốt với vợ, con, làm nhiều chuyện có lỗi với chị B nên anh đồng ý ly hôn để chị B xây dựng gia đình mới, nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Cháu Thu H đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đồng ý để chị B nuôi cháu A đến khi trưởng thành, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh sẽ tự thỏa thuận với chị B.

- Về tài sản chung: Anh và chị B không có.

Tại Đơn đề nghị đề ngày 14-3-2018, cháu A nêu nguyện vọng được ở cùng với mẹ sau khi bố, mẹ ly hôn.

Do anh H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, không có mặt theo giấy triệu tập nên Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ vắng mặt anh H theo khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời, lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho anh H theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị: Tòa án giải quyết được ly hôn anh H, giao cháu A cho chị nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị B được ly hôn với anh H, giao cháu A cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng.

- Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là anh Nguyễn Quang H, cư trú tại: Tổ C, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, anh H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

Về hôn nhân:

[3]. Chị Đinh Thị Ngọc B và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2000, tại Ủy ban nhân dân phường Vạn Sơn, thị xã Đồ Sơn (Nay là quận Đồ Sơn), thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại các điều 5, 6 và 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4]. Các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được xác định: Lời khai của chị B phù hợp với lời khai của anh H và các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được. Cho thấy, anh H nghiện ma túy từ năm 1996, đã cai nghiện nhiều lần nhưng vẫn không bỏ được. Anh H thường xin tiền chị B để mua ma túy về sử dụng, nhiều lần chị B không cho nên anh H xúc phạm, chửi bới và đánh đập chị B. Do không chịu đựng được nên chị B đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ của chị sinh sống. Từ đó, chị B và anh H không còn quan tâm, liên lạc với nhau nữa. Từ tháng 8-2017, anh H đã bị Tòa án đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy Gia Minh, huyện Thủy Nguyên với thời gian 18 tháng. Như vậy, anh H đã có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng nên có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh H, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. Về nuôi con chung: Chị B và anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 02-12-1996 và Nguyễn Quang Đức A, sinh ngày 14-01-2005. Cháu Thu H đã thành niên và đã có gia đình riêng, chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Chị B nhận nuôi cháu A, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H đang cai nghiện ma túy không thể trực tiếp nuôi dạy con và đồng ý để cho chị B nuôi cháu A. Cháu A hiện đang sinh sống ổn định cùng với chị B và có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị B, giao cháu A cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của cháu. Chị B không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về chia tài sản chung: Chị B và anh H đều khai không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị B là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8]. Về quyền kháng cáo: Chị B và anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Đinh Thị Ngọc B được ly hôn với anh Nguyễn Quang H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu Nguyễn Quang Đức A, sinh ngày 14-01-2005 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Chị B không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Hoặc cho đến khi chị B và anh H có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai số 0006760 ngày 30-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, chị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị B và anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND. thành phố Hải Phòng;
- VKSND. quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS. quận Đồ Sơn;
- UBND. phường Vạn Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

